

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ NAM HÒA**

Số: 163/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nam Hòa, ngày 10 tháng 08 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2021**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM HÒA**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 3/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ vào Nghị quyết số 25 ngày 02/08/2022 của HĐND xã Nam Hòa về việc phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách năm 2021*

*Xét đề nghị của Ban tài chính xã;*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 xã Nam Hòa, nội dung cụ thể như sau:

*(Theo các biểu chi tiết kèm theo)*

**Điều 2:** Giao cho Ban Tài chính xã phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức và phối hợp hướng dẫn thực hiện;

**Điều 3:** Các ông ( bà): Văn phòng UBND xã, Ban Tài chính, các ngành đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

**Nơi nhận:**

- Phòng Tài chính - Kế hoạch
- Đảng ủy-HĐND thị trấn;
- Như điều 3;
- Lưu: VP-UBND

**CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Lâm**

## CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>8.631.598.863</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>8.311.653.276</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	203.311.390	I. Chi đầu tư phát triển	1.236.941.800
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	337.300.213		
III. Thu bổ sung	7.260.087.753	II. Chi thường xuyên	6.653.083.869
- Bổ sung cân đối	5.289.660.700		
- Bổ sung có mục tiêu	1.790.427.053	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau	421.627.607
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	830.899.507		
V. Thu viện trợ		IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
VI. Thu chuyển nguồn			
<b>Kết dư ngân sách</b>	<b>319.945.587</b>		

## QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Chi tiêu	Dự toán		Số thẩm định quyết toán		So sánh QT/DT	
	NSX	NSNN	NSX	NSNN	NSNN	NSX
1				4		7
Tổng thu	8.910.987.2600	8.551.987.260	8.631.598.863	8.897.150.390	99,84%	100,93%
Tổng thu trên địa bàn	820.000.000	461.000.000	540.611.603	806.163.130	98,3%	117,3%
I Các khoản thu 100%	209.600.000	209.000.000	203.311.390	203.311.390	97,3%	97,3%
I Phí và lệ phí	194.000.000	194.000.000	165.573.800	165.573.800	85,3%	85,3%
Phí chứng thư, chứng thực	70.000.000	70.000.000	45.833.000	45.833.000	65,5%	65,5%
Phí hộ tịch	4.000.000	4.000.000	3.492.500	3.492.500	87,3%	87,3%
Phí chợ	120.000.000	120.000.000	116.248.300	116.248.300	96,9%	96,9%
2 Thu từ quỹ đất công	0	0	0	0		
2 Thu đóng góp của nhân dân	0	0	0	0		
3 Thu kết dư NS năm trước	0	0	0	0		
4 Thu khác	15.000.000	15.000.000	37.737.590	37.737.590	251,6%	251,6%
II Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	611.000.000	252.000.000	337.300.213	602.851.740	98,7%	133,9%
I Các khoản thu phân chia	133.000.000	92.000.000	102.831.853	102.831.853	77,3%	111,8%
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	19.000.000	19.000.000	19.577.003	19.577.003	103%	103%
- Thuế sd đất nông nghiệp từ hộ gia đình	0	0	5.656.200	5.656.200		
- Lệ phí môn bài thu từ hộ KD	31.000.000	31.000.000	30.000.000	30.000.000	96,8%	96,8%

-	Lệ phí trước bạ nhà, đất	83.000.000	42.000.000	47.598.650	47.598.650	57.3%	113.3%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	478.000.000	160.000.000	500.019.887	234.468.360	104.6%	146.5%
-	Thuế GTGT	160.000.000	160.000.000	234.468.360	234.468.360	146.5%	146.5%
-	Thuế thu nhập từ CCSD đất	238.000.000	0	88.360.337		37.1%	
-	Thuế thu nhập từ SXKF	80.000.000	0	177.191.190		221.5%	
III	Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	0	0	0			
IV	Thu chuyển nguồn	0	0	0			
V	Thu kết dư năm trước	830.000.000	830.000.000	830.000.000	830.000.000	100%	100%
VI	THu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.260.087.753	7.260.087.753	7.260.087.753	7.260.087.753	100%	100%
-	Thu bổ sung cân đối	5.289.660.700	5.289.660.700	5.289.660.700	5.289.660.700	100%	100%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	1.970.427.053	1.970.427.053	1.970.427.053	1.970.427.053	100%	100%

## QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Chỉ tiêu	Dự toán				Số thẩm định quyết toán				So sánh QT/DT		
	Tổng số	ĐTPT	TX	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTP	TX	
	2	3	4	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4	
1											
TỔNG CHI	8.437.013.573	1.328.861.800	7.108.151.773	7.108.151.773	8.311.653.276	1.236.941.800	7.074.711.476	98,51	93,08	99,53	
Chi thường xuyên	8.437.013.573	1.328.861.800	7.108.151.773	7.108.151.773	8.311.653.276	1.236.941.800	6.653.083.869	98,51	93,08	93,60	
Chi công tác DQTV, TTATXH	1.078.027.773	0	1.078.027.773	1.078.027.773	1.047.615.570	0	1.047.615.570	97,18		97,18	
Chi DQTV	492.744.000		492.744.000	492.744.000	476.382.820		476.382.820	96,68		96,68	
Chi trật tự an toàn xã hội	585.283.773		585.283.773	585.283.773	571.232.750		571.232.750	97,60		97,60	
Chi giáo dục	0				0						
Chi ứng dụng, chuyên giao công nghệ	0				0						
Chi Y Tế	143.100.000		143.100.000	143.100.000	104.896.000		104.896.000				
Chi VH- thông tin TT	22.000.000		22.000.000	22.000.000	22.000.000		22.000.000				
Chi phát thanh, truyền thanh	0										
Chi thể dục- thể thao	50.000.000		50.000.000	50.000.000	47.790.000		47.790.000	95,58		95,58	
Chi bảo vệ môi trường	0										
Chi các hoạt động kinh tế	1.268.861.800	1.048.861.800	220.000.000	220.000.000	1.268.594.390	1.048.861.800	219.732.590	99,98	100,00	99,88	
- Giao thông	1.073.861.800	1.048.861.800	25.000.000	25.000.000	1.073.611.800	1.048.861.800	24.750.000	100	100,00	99,00	
- Nông -lâm- thủy lợi- Hải sản	195.000.000		195.000.000	195.000.000	194.982.590		194.982.590	100			
- Các hoạt động kinh tế khác	0				0						
10	5.773.588.000	280.000.000	5.493.588.000	5.493.588.000	5.303.693.709	188.080.000	5.115.613.709	91,86		93,12	
Trong đó: Quỹ lương											
Hội đồng nhân dân	781.863.000		781.863.000	781.863.000	763.347.651		763.347.651	97,63		97,63	
Ủy ban nhân dân	2.855.894.000	280.000.000	2.575.894.000	2.575.894.000	2.613.451.945	188.080.000	2.425.371.945	91,51		94,16	
Đang công sản việt nam	760.617.000		760.617.000	760.617.000	760.592.742		760.592.742	100,00		100,00	

10.4	Mặt trận Tổ quốc Việt nam	503.868.000	503.868.000		503.868.000	451.114.365	451.114.365	89,53	89,53
10.5	Đoàn thanh niên cộng sản HCM	189.690.000	189.690.000		189.690.000	160.614.098	160.614.098	84,67	84,67
10.6	Hội liên hiệp phụ nữ	207.690.000	207.690.000		207.690.000	152.498.498	152.498.498	73,43	73,43
10.7	Hội Nông dân	161.155.000	161.155.000		161.155.000	127.422.937	127.422.937	79,07	79,07
10.8	Hội CC binh	138.105.000	138.105.000		138.105.000	100.745.473	100.745.473	72,95	72,95
10.9	Hội chữ thập đỏ	14.490.000	14.490.000		14.490.000	14.940.000	14.940.000	103,11	103,11
10.10	Hội cao tuổi	68.756.000	68.756.000		68.756.000	67.706.000	67.706.000	98,47	98,47
10.11	Hội khuyến học	18.092.000	18.092.000		18.092.000	18.092.000	18.092.000	100,00	100,00
10.12	Các đoàn thể hội khác	73.368.000	73.368.000		73.368.000	73.168.000	73.168.000	99,73	99,73
10.13	Chi hỗ trợ khác	0	0		0	0	0		
11	Chi cho công tác xã hội	101.436.000	101.436.000	0	101.436.000	95.436.000	95.436.000	94,08	94,08
-	T/cấp hàng tháng cho CB xã	95.436.000,0	95.436.000,0		95.436.000	95.436.000	95.436.000	100,00	100,00
-	nghỉ việc và trợ cấp khác								
-	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	0	0		0				
-	Trợ cấp xã hội	6.000.000	6.000.000		6.000.000			0,00	0,00
-	Khác	0	0		0				
12	Chi nộp cấp trên	-	-		-				
II	Dự phòng	0	0		0				
13	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	-		-	421.627.607	421.627.607		
III	Tiết kiệm chi								

THÀNH

**QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN<sup>(1)</sup> NĂM 2021**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)



Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến tháng 31/12/2021	Giá trị đã thanh toán từ 01/01 đến 31/12/2021				
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của ND		Tổng số	trong đó thanh toán LK năm trước	Chia theo nguồn vốn	Nguyên vốn khác (Vốn khen thưởng thường NTM)	
Tổng số		6.493.192.150	0	6.473.421.017	1.409.667.800	1.409.667.800	1.236.941.800	0	169.798.000
1/ Công trình chuyển tiếp		0	0	0	0	0	0	0	0
2/ Các công trình đã hoàn thành trong năm		6.493.192.150	-	6.473.421.017	1.409.667.800	1.409.667.800	1.236.941.800	0	169.798.000
2.1/ Các công trình hoàn thành trong năm đã phê duyệt quyết toán		1.440.437.000	-	1.440.437.000	102.726.000	102.726.000	-	-	99.798.000
Cải tạo, sửa chữa đài tưởng niệm liệt sĩ	2020	464.191.000		464.191.000	11.695.000	11.695.000			11.695.000
Xây dựng nhà đình số 3 chợ Quang Trung, xã Nam Hoà	2020	976.246.000		976.246.000	91.031.000	91.031.000			88.103.000
2.2/ Các công trình hoàn thành trong năm chưa phê duyệt quyết toán		5.052.755.150	-	5.032.984.017	1.306.941.800	1.306.941.800	1.236.941.800	0	70.000.000







**THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2021**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021			Thực hiện năm 2021			Dự cuối năm
		Thu	Chi	Chênh lệch	Dư đầu năm	Thu	Chi	
1	Các quỹ công chuyên dùng	67.000.000	55.000.000	12.000.000	139.614.400	69.971.000	31.696.000	177.889.400
-	Quỹ chữ thập đỏ	8.000.000	5.000.000	3.000.000	36.595.500	9.198.000	3.600.000	42.193.500
-	Quỹ Người cao tuổi	10.000.000	5.000.000	5.000.000	12.557.400	6.892.000	6.400.000	13.049.400
-	Quỹ vì trẻ thơ	10.000.000	9.000.000	1.000.000	25.388.000	9.578.000	4.500.000	30.466.000
-	Quỹ khuyến học	20.000.000	17.000.000	3.000.000	18.278.000	17.096.000	1.246.000	34.128.000
-	Quỹ vì người nghèo	10.000.000	10.000.000	-	14.626.700	9.753.000	-	24.379.700
-	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	9.000.000	9.000.000	-	32.168.800	17.454.000	15.950.000	33.672.800
2	Các hoạt động tài chính khác	-	-	-	488.216.600	431.525.373	617.896.432	301.845.541
-	Quỹ khen thưởng nông thôn mới				448.406.000		169.798.000	278.608.000
-	Các khoản thu hộ				31.134.000	421.313.373	429.209.832	23.237.541
-	Quỹ phòng chống thiên tai				8.676.600	10.212.000	18.888.600	-
	<b>Cộng</b>	<b>67.000.000</b>	<b>55.000.000</b>	<b>9.000.000</b>	<b>627.831.000</b>	<b>501.496.373</b>	<b>649.592.432</b>	<b>479.734.941</b>



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ NAM HÒA**

**THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN  
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021**

Căn cứ Nghị quyết số: 25/NQ-UBND ngày 02/8/2022 của HĐND xã Nam Hòa về việc giao phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách nhà nước xã Nam Hòa năm 2021;

UBND xã Nam Hòa báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2021, như sau:

**I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2021:**

**1. Thu ngân sách:**

Tổng số thu ngân sách nhà nước trong năm 2021 là 8.631.598.863, trong đó dự toán các khoản thu xã hưởng 100%: 203.311.390 đồng, các khoản thu phân chia theo tỷ lệ: 337.300.213 đồng, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là: 7.250.083.753 đồng, kết dư ngân sách: 319.945.587 đồng;

**2/ Chi ngân sách:**

Dự toán chi năm 2021 là: 8.311.653.276 đồng, trong đó:

Chi đầu tư phát triển: 1.235.941.800 đồng.

Chi thường xuyên: 6.653.083.869 đồng.

Chuyển nguồn ngân sách sang năm sau: 421.627.607 đồng

Trên đây là thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2023 của UBND xã Nam Hòa./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Lâm**